

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô rô Be

2. Ông Đinh Khắc Việt

Thư ký phiên tòa: Ông Danh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 266, tổ 04, ấp Tân P, xã Tân Hiệp B, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp Vĩnh Quy, xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn: Anh Trần Hữu N (H), sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 266, tổ 04, ấp Tân P, xã Tân Hiệp B, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Kim H trình bày:*

Chị và anh anh Trần Hữu N chung sống với nhau vào ngày 19/11/1997 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Tân Hiệp B vào ngày 27/9/2005. Trước khi sống chung vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước, do mai mối, nhưng hai bên cũng đồng ý tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên đi nhậu về đến nhà vợ

chồng có lời qua tiếng lại thì anh N đánh chị và đập phá đồ đạc trong gia đình, vợ chồng luôn mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung.

1/ Trần Ngọc L, sinh ngày 19/7/1998.

2/ Trần Ngọc T, sinh ngày 16/11/2000

3/ Trần Đặng H1, sinh ngày 03/7/2009

4/ Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 01/10/2013.

Cháu Ly đã đủ tuổi trưởng thành, cháu T, cháu H1, cháu H2 hiện đang sống với chị

H.

- Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H xin được ly hôn với anh Trần Hữu N.

- *Về con chung*: chị H xin nuôi cháu T, cháu H1 và cháu H2, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, cháu L đã đủ tuổi trưởng thành phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Hữu N trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 18/12/2017 :**

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị H về ngày vợ chồng chung sống, có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới, có 04 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng thì anh N cho rằng do chị H đi làm xa không về từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cự cãi, có lối sống không phù hợp. Vợ chồng không sống với nhau từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay.

Tại tòa án anh N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: anh không đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh giao cháu T, cháu H1 và cháu H2 cho chị H nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Trần Hữu N với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh N vắng mặt. Xét thấy anh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hiệp B, huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang giấy đăng ký kết hôn số: 254/2005, quyển số: II/2005, ngày 27/9/2005 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H cho thấy vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau, vợ chồng thường cự cãi nhau nên phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay, trong thời gian anh chị sống ly thân thì không có người nào có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng chị H vẫn giữ nguyên quyết định xin được ly hôn. Do đó việc hòa giải theo quy định của luật không mang lại kết quả.

Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị H.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh N xác nhận vợ chồng có 04 con chung.

- Trần Ngọc L, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1998
- Trần Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2000
- Trần Đặng H1, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2009
- Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Hiện nay cháu L đã đủ tuổi trưởng thành và sống riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T, cháu H1, cháu H2 đang sống với chị H. Chị xin được nuôi ba cháu T, cháu H1 và cháu H2, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con và anh N đồng ý giao cháu T, cháu H1 và cháu H2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con và nguyện vọng của cháu T, cháu H1 là được sống với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh N. Tiếp tục giao 03 cháu:

- Trần Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2000

- Trần Đăng H1, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2009
- Trần Thị Ngọc H2, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí HNST: Buộc chị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007613 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim H.

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim H và anh Trần Hữu N.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị H, anh N và nguyện vọng của cháu T, cháu H1. Tiếp tục giao 03 cháu :

- Trần Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2000
- Trần Đăng H1, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2009
- Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết anh chị có quyền xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí HNST: Buộc chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007613 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị Nguyễn Thị Kim H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Hữu N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân H;
- Chi cục THADS huyện Tân H;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hiệp B;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Ái